

Họ và tên học sinh:.....; Lớp: .....

**PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ được chọn một phương án.

**Câu 1:** Sự trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia bao gồm hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ được gọi là

- A. thương mại quốc tế. B. dịch vụ thu ngoại tệ. C. đầu tư quốc tế. D. thương mại nội địa.

**Câu 2:** Hình thức bảo hiểm mà đối tượng bảo hiểm là sức khỏe, thân thể và tính mạng con người như ốm đau, bệnh tật, tai nạn, thương tật, bệnh hiểm nghèo...là

- A. bảo hiểm thương mại. B. bảo hiểm con người. C. bảo hiểm trách nhiệm dân sự. D. bảo hiểm tài sản.

**Câu 3:** Sự tăng lên về thu nhập hay tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mà nền kinh tế tạo ra trong một thời kì nhất định là

- A. phát triển sản xuất. B. tăng trưởng kinh tế. C. tiến bộ xã hội. D. gia tăng thị hiếu.

**Câu 4:** Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mỗi quốc gia dựa trên cơ sở

- A. lợi ích cá nhân và áp đặt rào cản thương mại. B. lợi ích cá nhân và tuân thủ những nguyên tắc riêng.  
C. cùng có lợi và tuân thủ những quy định riêng. D. cùng có lợi và tuân thủ những chuẩn mực quốc tế chung.

**Câu 5:** Người lao động được bù đắp một phần thu nhập, hỗ trợ nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm khi bị mất việc nếu tham gia

- A. bảo hiểm dân sự. B. bảo hiểm thất nghiệp. C. bảo hiểm thương mại. D. bảo hiểm tài sản.

**Câu 6:** Quy định: “Tình trạng con người không đáp ứng ở mức tối thiểu các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống...” trong khoản 1 Điều 3 Nghị định 07/2021/NĐ-CP là nói đến

- A. nghèo vững chắc. B. nghèo đa chiều. C. nghèo bền vững. D. nghèo một chiều.

**Câu 7:** Loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với mức thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất là loại hình

- A. bảo hiểm xã hội bắt buộc. B. bảo hiểm y tế tự nguyện.  
C. bảo hiểm xã hội tự nguyện. D. bảo hiểm y tế bắt buộc.

**Câu 8:** Quá trình di chuyển vốn từ quốc gia này đến quốc gia khác nhằm đem lại lợi ích cho các bên tham gia, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm, phát triển chất lượng nguồn nhân lực là

- A. dịch vụ thu ngoại tệ. B. thương mại nội địa. C. thương mại quốc tế. D. đầu tư quốc tế.

**Câu 9:** Các dịch vụ quốc tế như: du lịch, dịch vụ, giao thông vận tải, xuất nhập khẩu lao động ...có vai trò tạo nguồn thu ngoại tệ giúp cải thiện cán cân thanh toán quốc tế là

- A. thương mại quốc tế. B. đầu tư quốc tế. C. các dịch vụ thu ngoại tệ. D. thương mại nội địa.

**Câu 10:** Thước đo về thu nhập của nền kinh tế trong một thời kì nhất định, được tính bằng tổng thu nhập từ hàng hóa, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra (bao gồm cả trong và ngoài lãnh thổ quốc gia) trong một thời gian nhất định (thường là một năm) là

- A. GDP B. GINI. C. GNI. D. GNP

**Câu 11:** Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lí và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu là

- A. tăng trưởng kinh tế. B. phát triển kinh tế. C. tiến bộ xã hội. D. phát triển bền vững.

**Câu 12:** Giá trị bằng tiền (theo giá cả thị trường) của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trên lãnh thổ một nước trong một thời gian nhất định (thường là một năm) là

- A. GINI. B. GDP C. GNI. D. GNP

**Câu 13:** Loại hình bảo hiểm nào sau đây được coi là sự bảo đảm chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí khám, điều trị, phục hồi sức khỏe cho người tham gia nếu không may xảy ra tai nạn hoặc bệnh tật?

- A. Bảo hiểm tài sản. B. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự. C. Bảo hiểm thương mại. D. Bảo hiểm y tế.

**Câu 14:** Quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới được hiểu là

- A. phát triển kinh tế. B. tăng trưởng kinh tế. C. hội nhập kinh tế. D. nhiệm vụ kinh tế.

**Câu 15:** Thước đo trung bình thu nhập 1 người dân trong quốc gia thu được trong năm là

- A. GINI. B. GNI/người. C. GDP/người. D. HNI.

**Câu 16:** Việt Nam chủ động tích cực tham gia các tổ chức kinh tế như Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) Quỹ tiền tệ Quốc tế, Liên hiệp quốc.. là đã tham gia

- A. hội nhập kinh tế khu vực. B. hội nhập kinh tế toàn cầu.  
C. hội nhập kinh tế đa phương. D. hội nhập kinh tế song phương.

**Đọc đoạn thông tin sau và trả lời câu hỏi 17, 18, 19**

Quy mô nền kinh tế ngày càng mở rộng. GDP/người và GNI/người tăng liên tục trong nhiều năm. Năm 1991, GNI/người đạt 110 USD/người, tăng lên 4010 USD/người năm 2022. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỉ trọng ngành công nghiệp trong GDP và giảm tỉ trọng lao động ngành nông nghiệp trên tổng lao động xã hội. Tỉ trọng giá trị sản lượng của ngành công nghiệp-xây dựng trong GDP tăng từ 33,02% năm 2010 lên 38.17% năm 2022; tỉ trọng lao động trong nông nghiệp giảm từ 72,3% năm 1990 xuống còn 27,5% vào năm 2022. Năm 1990, HDI của Việt Nam đạt 0,4777 điểm, đến năm 2022 là 0,703 điểm; tuổi thọ trung bình đã gần tiệm cận mục tiêu 75 tuổi. Tuy trình độ phát triển con người có sự cải thiện nhưng chưa thực sự ổn định và thiếu bền vững, Việt Nam vẫn là quốc gia có điểm số HDI thấp nhất trong nhóm quốc gia có HDI cao xếp thứ 115/191 năm 2021) quốc gia và vùng lãnh thổ.

**Câu 17:** Nội dung “Tỉ trọng giá trị sản lượng của ngành công nghiệp-xây dựng trong GDP tăng từ 33,02% năm 2010 lên 38.17% năm 2022; tỉ trọng lao động trong nông nghiệp giảm từ 72,3% năm 1990 xuống còn 27,5% vào năm 2022” thể hiện yếu tố nào sau đây?

- A. Cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa.  
B. Sự thay đổi về chỉ số bất bình đẳng xã hội.  
C. Sự thay đổi về chỉ số phát triển con người.  
D. Sự thay đổi về chỉ số đói nghèo.

**Câu 18:** Thông tin trên chưa đề cập đến chỉ tiêu nào trong phát triển kinh tế Việt Nam?

- A. Sự gia tăng của các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế.  
B. Chuyển dịch cơ cấu, ngành kinh tế theo hướng tiến bộ, hợp lí.  
C. Sự gia tăng chỉ số phát triển con người.  
D. Sự thay đổi chỉ số bất bình đẳng trong xã hội.

**Câu 19:** Nội dung nào dưới đây phản ánh sự tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong thông tin trên?

- A. Quy mô nền kinh tế Việt Nam ngày càng mở rộng, GDP/người và GNI/người tăng liên tục trong nhiều năm. Năm 1991, GNI/người đạt 110 USD/người, tăng lên 4010 USD/người năm 2022  
B. Tỉ trọng giá trị sản lượng của ngành công nghiệp-xây dựng trong GDP tăng từ 33,02% năm 2010 lên 38.17% năm 2022; tỉ trọng lao động trong nông nghiệp giảm  
C. Trình độ phát triển con người có sự cải thiện, năm 1990, HDI của Việt Nam đạt 0,4777 điểm, đến năm 2022 là 0,703 điểm  
D. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỉ trọng ngành công nghiệp trong GDP và giảm tỉ trọng lao động ngành nông nghiệp trên tổng lao động xã hội.

**Đọc đoạn thông tin sau và trả lời câu hỏi 20, 21, 22**

Trên đà phát triển quan hệ kinh tế với các tổ chức quốc tế, các công ty đa quốc gia, Việt Nam đã kí kết một số hiệp định thương mại như Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản năm 2009 (VJEP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Chile năm 2011 (VCFTA), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc năm 2015 (VKFTA). Việc hình thành AEC năm 2015, CPTPP năm 2016, EVFTA năm 2020; kí kết Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam, Anh và Bắc Ireland (UKVFTA năm 2020) đã thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta. Năm 2022, Việt Nam đã tham gia và đang đàm phán 17 FTA, trong đó có 15 FTA có hiệu lực và đang thực thi cam kết, 2 FTA đang đàm phán (FTA giữa Việt Nam và Khối thương mại tự do Châu Âu (EFTA, FTA), FTA Việt Nam - Ireland)

**Câu 20:** Theo thông tin trên, cấp độ hội nhập nào sau đây thuộc hội nhập kinh tế song phương của Việt Nam?

- A. Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP năm 2016)
- B. Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC năm 2015)
- C. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA năm 2020)
- D. Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam, Anh và Bắc Ireland (UKVFTA năm 2020)

**Câu 21:** Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và AEC là cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế nào sau đây?

- A. Hội nhập kinh tế song phương.
- B. Hội nhập kinh tế khu vực.
- C. Hội nhập kinh tế toàn cầu.
- D. Hội nhập kinh tế thị trường chung.

**Câu 22:** Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam, Anh và Bắc Ireland (UKVFTA năm 2020) được đề cập đến trong thông tin trên là cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế nào sau đây?

- A. Hội nhập kinh tế toàn cầu.
- B. Hội nhập kinh tế khu vực.
- C. Hội nhập kinh tế song phương.
- D. Hội nhập kinh tế thương mại ưu đãi.

**Đọc đoạn thông tin sau và trả lời câu hỏi 23, 24**

Theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, đến hết Quý I năm 2023 đã có gần 1,5 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được hỗ trợ đóng từ ngân sách nhà nước cũng tăng qua các năm. Năm 2022, theo thống kê có 34.419 người hộ nghèo được hỗ trợ (30% mức đóng), 39.597 người thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ (25% mức đóng), hơn 1,38 triệu người được hỗ trợ đóng theo diện đối tượng khác (10% mức đóng). Khi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện người dân không chỉ được Nhà nước hỗ trợ mức đóng mà còn được hưởng nhiều quyền lợi thiết thực như: có cơ hội được hưởng lương hưu hàng tháng, được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí để đảm bảo cuộc sống và chăm sóc sức khỏe khi hết tuổi lao động, người thân được nhận chế độ tử tuất khi người tham gia qua đời.

**Câu 23:** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng về bảo hiểm xã hội tự nguyện?

- A. Ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện.
- B. Bảo hiểm xã hội tự nguyện không quan trọng với người dân.
- C. Bảo hiểm xã hội tự nguyện là một phần của chính sách an sinh xã hội.
- D. Người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện sẽ được hưởng các chế độ hưu trí, tử tuất.

**Câu 24:** Nhận định nào sau đây đúng khi nói về mục đích của bảo hiểm?

- A. Đảm bảo lợi nhuận cho khoản đầu tư của người mua bảo hiểm.
- B. Tạo lợi nhuận của các công ty bảo hiểm.
- C. Bảo vệ tài chính trước những rủi ro bất ngờ.
- D. Giảm thuế cho người tham gia bảo hiểm.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai

**Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:**

Tiến bộ và công bằng xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế. Tiến bộ và công bằng xã hội được thể hiện ở nhiều nội dung, tiêu chí trong đó lấy con người làm trung tâm. Đại hội XII khẳng định: “Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân”, đảm bảo sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển con người, thực hiện tiến bộ và an sinh xã hội. Chỉ có phát triển kinh tế nhanh và bền vững mới có cơ sở để giải quyết các vấn đề xây dựng quốc phòng an ninh, thực hiện mục tiêu phát triển vì con người. Ngược lại, không thể có một nền kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả cao, bền vững nếu trong xã hội không có sự công bằng, dân chúng nghèo khổ, ốm yếu

- a) Tăng trưởng kinh tế là điều kiện, là cơ sở đảm bảo phát triển kinh tế xã hội.
- b) Tiến bộ và công bằng xã hội là một trong những chỉ tiêu của tăng trưởng kinh tế.
- c) Tăng trưởng kinh tế tạo nguồn lực phát triển kinh tế, thực hiện an sinh xã hội.
- d) Nền kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững sẽ tạo điều kiện thực hiện mục tiêu phát triển xã hội vì con người.

**Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:**

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023-2030. Nghị quyết đồng thời nhấn mạnh 5 giải pháp trọng tâm để đạt được mục tiêu đề ra. Cụ thể: **1.** Cải cách hoàn thiện thể chế chính trị; **2.** Cải thiện

môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; **3.** Thực thi hiệu quả các FTA; **4.** Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hậu COVID -19 và phát triển bền vững; **5.** Hội nhập toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học và công nghệ, an ninh và quốc phòng.

**a)** Các giải pháp trên nhằm nâng cao hiệu quả cải thiện môi trường kinh doanh, đảm bảo bình đẳng, minh bạch, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh mang đến sự ổn định

**b)** Cải cách thủ tục hành chính nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư, xuất, nhập khẩu, thuế..., để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư.

**c)** Tiếp tục thực thi đầy đủ, nghiêm túc các cam kết về hội nhập kinh tế quốc tế và các cam kết trong các FTA.

**d)** Hội nhập toàn diện trên các lĩnh vực trong đó lĩnh vực an ninh và quốc phòng là trọng tâm.

**Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:**

Tuổi trẻ với bản chất năng động sáng tạo, nhiệt huyết, nhanh nhạy là đối tượng lí tưởng tiếp thu các công nghệ mới, tham gia giao lưu, hội nhập quốc tế. Song cũng cần phải lưu ý rằng, trong quá trình hội nhập, phải luôn tỉnh táo để không đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc, phải dung hòa nếp sống hiện đại với giá trị truyền thống. Nhiệm vụ học tập khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế đòi hỏi lớp thanh niên hiện nay phải nhanh chóng trang bị cho mình những năng lực hội nhập như bản lĩnh, kiến thức, trình độ ngoại ngữ, tin học, kĩ năng, tác phong công nghiệp, hiểu biết văn hóa dân tộc, đất nước mình, đồng thời phải hiểu biết tình hình kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa thế giới.

**a)** Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ chỉ mang lại những tác động tích cực đến với thế hệ trẻ.

**b)** Trách nhiệm của thanh niên là phải trang bị những năng lực hội nhập quốc tế.

**c)** Để hội nhập quốc tế, mỗi thanh niên phải tự mình phát huy tinh thần học tập, rèn luyện.

**d)** Việc trau dồi các kiến thức tin học và ngoại ngữ là yếu tố tiên quyết đối với thanh niên khi đất nước hội nhập kinh tế quốc tế.

**Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:**

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam tương đối ổn định và khá cao: 6,24% (năm 2011), 6,68% (năm 2015), và 7,08% (năm 2018), cao hơn 1 nước có nền kinh tế mới nổi trong khu vực. Nhờ tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng cao qua các năm nên GDP bình quân đầu người tăng liên tục, đạt 1.517 USD năm 2011; 2.109 USD năm 2015 và 2.587 USD năm 2018, gấp 1,7 lần so với năm 2011. Tốc độ tăng GDP/người giai đoạn 2011-2018 đạt 9,41%/năm, cao hơn mức 9,26%/năm giai đoạn 2001-2010. Cùng với tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân đầu người tăng qua các năm, góp phần nâng cao mức sống của người dân, tỉ lệ hộ nghèo giảm dần, từ 12,6% (năm 2011) xuống 6,8% (năm 2018)

**a)** Tăng trưởng kinh tế góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

**b)** Sự tăng trưởng kinh tế trong thời gian qua góp phần giảm tỉ lệ đói nghèo.

**c)** Tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định thúc đẩy GDP bình quân đầu người tăng.

**d)** Tăng trưởng kinh tế ổn định đã đẩy tỉ lệ lạm phát tăng cao.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh:.....; Lớp: .....

**PHẦN I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ được chọn một phương án.

**Câu 1:** Thước đo về thu nhập của nền kinh tế trong một thời kì nhất định, được tính bằng tổng thu nhập từ hàng hóa, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra (bao gồm cả trong và ngoài lãnh thổ quốc gia) trong một thời gian nhất định (thường là một năm) là

- A. GDP                      B. GNI.                      C. GINI.                      D. GNP

**Câu 2:** Người lao động được bù đắp một phần thu nhập, hỗ trợ nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm khi bị mất việc nếu tham gia

- A. bảo hiểm tài sản.                      B. bảo hiểm dân sự.                      C. bảo hiểm thất nghiệp.                      D. bảo hiểm thương mại.

**Câu 3:** Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lí và sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu là

- A. tăng trưởng kinh tế.                      B. phát triển kinh tế.                      C. tiến bộ xã hội.                      D. phát triển bền vững.

**Câu 4:** Các dịch vụ quốc tế như: du lịch, dịch vụ, giao thông vận tải, xuất nhập khẩu lao động ...có vai trò tạo nguồn thu ngoại tệ giúp cải thiện cán cân thanh toán quốc tế là

- A. đầu tư quốc tế.                      B. thương mại quốc tế.                      C. thương mại nội địa.                      D. các dịch vụ thu ngoại tệ.

**Câu 5:** Loại hình bảo hiểm nào sau đây được coi là sự bảo đảm chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí khám, điều trị, phục hồi sức khỏe cho người tham gia nếu không may xảy ra tai nạn hoặc bệnh tật?

- A. Bảo hiểm tài sản.                      B. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự.                      C. Bảo hiểm thương mại.                      D. Bảo hiểm y tế.

**Câu 6:** Hình thức bảo hiểm mà đối tượng bảo hiểm là sức khỏe, thân thể và tính mạng con người như ốm đau, bệnh tật, tai nạn, thương tật, bệnh hiểm nghèo...là

- A. bảo hiểm tài sản.                      B. bảo hiểm con người.                      C. bảo hiểm thương mại.                      D. bảo hiểm trách nhiệm dân sự.

**Câu 7:** Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mỗi quốc gia dựa trên cơ sở

- A. cùng có lợi và tuân thủ những chuẩn mực quốc tế chung.                      B. cùng có lợi và tuân thủ những quy định riêng.  
C. lợi ích cá nhân và tuân thủ những nguyên tắc riêng.                      D. lợi ích cá nhân và áp đặt rào cản thương mại.

**Câu 8:** Loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với mức thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất là loại hình

- A. bảo hiểm xã hội tự nguyện.                      B. bảo hiểm xã hội bắt buộc.  
C. bảo hiểm y tế bắt buộc.                      D. bảo hiểm y tế tự nguyện.

**Câu 9:** Việt Nam chủ động tích cực tham gia các tổ chức kinh tế như Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) Quỹ tiền tệ Quốc tế, Liên hiệp quốc.. là đã tham gia

- A. hội nhập kinh tế song phương.                      B. hội nhập kinh tế toàn cầu.  
C. hội nhập kinh tế đa phương.                      D. hội nhập kinh tế khu vực.

**Câu 10:** Giá trị bằng tiền (theo giá cả thị trường) của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trên lãnh thổ một nước trong một thời gian nhất định (thường là một năm) là

- A. GNP                      B. GNI.                      C. GINI.                      D. GDP

**Câu 11:** Sự trao đổi hàng hóa và dịch vụ giữa các quốc gia bao gồm hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ được gọi là

- A. đầu tư quốc tế.                      B. thương mại nội địa.                      C. thương mại quốc tế.                      D. dịch vụ thu ngoại tệ.

**Câu 12:** Quy định: “Tình trạng con người không đáp ứng ở mức tối thiểu các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống...” trong khoản 1 Điều 3 Nghị định 07/2021/NĐ-CP là nói đến

- A. nghèo một chiều.                      B. nghèo đa chiều.  
C. nghèo vững chắc.                      D. nghèo bền vững.

**Câu 13:** Quá trình di chuyển vốn từ quốc gia này đến quốc gia khác nhằm đem lại lợi ích cho các bên tham gia, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm, phát triển chất lượng nguồn nhân lực là

- A. dịch vụ thu ngoại tệ. B. thương mại quốc tế. C. thương mại nội địa. D. đầu tư quốc tế.

**Câu 14:** Thước đo trung bình thu nhập 1 người dân trong quốc gia thu được trong năm là

- A. GINI. B. GNI/người. C. GDP/người. D. HNI.

**Câu 15:** Quá trình một quốc gia thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới được hiểu là

- A. phát triển kinh tế. B. tăng trưởng kinh tế. C. hội nhập kinh tế. D. nhiệm vụ kinh tế.

**Câu 16:** Sự tăng lên về thu nhập hay tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mà nền kinh tế tạo ra trong một thời kì nhất định là

- A. phát triển sản xuất. B. tăng trưởng kinh tế. C. tiến bộ xã hội. D. gia tăng thị hiếu.

**Đọc đoạn thông tin sau và trả lời câu hỏi 17, 18, 19**

Quy mô nền kinh tế ngày càng mở rộng. GDP/người và GNI/người tăng liên tục trong nhiều năm. Năm 1991, GNI/người đạt 110 USD/người, tăng lên 4010 USD/người năm 2022. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỉ trọng ngành công nghiệp trong GDP và giảm tỉ trọng lao động ngành nông nghiệp trên tổng lao động xã hội. Tỉ trọng giá trị sản lượng của ngành công nghiệp-xây dựng trong GDP tăng từ 33,02% năm 2010 lên 38.17% năm 2022; tỉ trọng lao động trong nông nghiệp giảm từ 72,3% năm 1990 xuống còn 27,5% vào năm 2022. Năm 1990, HDI của Việt Nam đạt 0,4777 điểm, đến năm 2022 là 0,703 điểm; tuổi thọ trung bình đã gần tiệm cận mục tiêu 75 tuổi. Tuy trình độ phát triển con người có sự cải thiện nhưng chưa thực sự ổn định và thiếu bền vững, Việt Nam vẫn là quốc gia có điểm số HDI thấp nhất trong nhóm quốc gia có HDI cao xếp thứ 115/191 năm 2021) quốc gia và vùng lãnh thổ.

**Câu 17:** Thông tin trên chưa đề cập đến chỉ tiêu nào trong phát triển kinh tế Việt Nam?

- A. Sự gia tăng của các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế.  
B. Chuyển dịch cơ cấu, ngành kinh tế theo hướng tiến bộ, hợp lí.  
C. Sự gia tăng chỉ số phát triển con người.  
D. Sự thay đổi chỉ số bất bình đẳng trong xã hội.

**Câu 18:** Nội dung nào dưới đây phản ánh sự tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong thông tin trên?

- A. Tỉ trọng giá trị sản lượng của ngành công nghiệp-xây dựng trong GDP tăng từ 33,02% năm 2010 lên 38.17% năm 2022; tỉ trọng lao động trong nông nghiệp giảm  
B. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỉ trọng ngành công nghiệp trong GDP và giảm tỉ trọng lao động ngành nông nghiệp trên tổng lao động xã hội.  
C. Trình độ phát triển con người có sự cải thiện, năm 1990, HDI của Việt Nam đạt 0,4777 điểm, đến năm 2022 là 0,703 điểm  
D. Quy mô nền kinh tế Việt Nam ngày càng mở rộng, GDP/người và GNI/người tăng liên tục trong nhiều năm. Năm 1991, GNI/người đạt 110 USD/người, tăng lên 4010 USD/người năm 2022

**Câu 19:** Nội dung “Tỉ trọng giá trị sản lượng của ngành công nghiệp-xây dựng trong GDP tăng từ 33,02% năm 2010 lên 38.17% năm 2022; tỉ trọng lao động trong nông nghiệp giảm từ 72,3% năm 1990 xuống còn 27,5% vào năm 2022” thể hiện yếu tố nào sau đây?

- A. Sự thay đổi về chỉ số đói nghèo.  
B. Sự thay đổi về chỉ số phát triển con người.  
C. Cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa.  
D. Sự thay đổi về chỉ số bất bình đẳng xã hội.

**Đọc đoạn thông tin sau và trả lời câu hỏi 20, 21**

Theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, đến hết Quý I năm 2023 đã có gần 1,5 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được hỗ trợ đóng từ ngân sách nhà nước cũng tăng qua các năm. Năm 2022, theo thống kê có 34.419 người hộ nghèo được hỗ trợ (30% mức đóng), 39.597 người thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ (25% mức đóng), hơn 1,38 triệu người được hỗ trợ đóng theo diện đối tượng khác (10% mức đóng). Khi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện người dân không chỉ được Nhà nước hỗ trợ mức đóng mà còn được hưởng nhiều quyền lợi thiết thực như: có cơ hội được hưởng lương hưu hàng tháng, được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí để đảm bảo cuộc sống và chăm sóc sức khỏe khi hết tuổi lao động, người tham được nhận chế độ tử tuất khi người tham gia qua đời.

**Câu 20:** Nhận định nào sau đây đúng khi nói về mục đích của bảo hiểm?

- A. Đảm bảo lợi nhuận cho khoản đầu tư của người mua bảo hiểm.
- B. Giảm thuế cho người tham gia bảo hiểm.
- C. Tạo lợi nhuận của các công ty bảo hiểm.
- D. Bảo vệ tài chính trước những rủi ro bất ngờ.

**Câu 21:** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng về bảo hiểm xã hội tự nguyện?

- A. Bảo hiểm xã hội tự nguyện không quan trọng với người dân.
- B. Bảo hiểm xã hội tự nguyện là một phần của chính sách an sinh xã hội.
- C. Người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện sẽ được hưởng các chế độ hưu trí, tử tuất.
- D. Ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện.

**Đọc đoạn thông tin sau và trả lời câu hỏi 22, 23, 24**

Trên đà phát triển quan hệ kinh tế với các tổ chức quốc tế, các công ty đa quốc gia, Việt Nam đã kí kết một số hiệp định thương mại như Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản năm 2009 (VJEP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Chile năm 2011 (VCFTA), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc năm 2015 (VKFTA). Việc hình thành AEC năm 2015, CPTPP năm 2016, EVFTA năm 2020; kí kết Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam, Anh và Bắc Ireland (UKVFTA năm 2020) đã thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta. Năm 2022, Việt Nam đã tham gia và đang đàm phán 17 FTA, trong đó có 15 FTA có hiệu lực và đang thực thi cam kết, 2 FTA đang đàm phán (FTA giữa Việt Nam và Khối thương mại tự do Châu Âu (EFTA, FTA), FTA Việt Nam - Ireland)

**Câu 22:** Theo thông tin trên, cấp độ hội nhập nào sau đây thuộc hội nhập kinh tế song phương của Việt Nam?

- A. Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP năm 2016)
- B. Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC năm 2015)
- C. Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam, Anh và Bắc Ireland (UKVFTA năm 2020)
- D. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA năm 2020)

**Câu 23:** Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam, Anh và Bắc Ireland (UKVFTA năm 2020) được đề cập đến trong thông tin trên là cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế nào sau đây?

- A. Hội nhập kinh tế toàn cầu.
- B. Hội nhập kinh tế khu vực.
- C. Hội nhập kinh tế song phương.
- D. Hội nhập kinh tế thương mại ưu đãi.

**Câu 24:** Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và AEC là cấp độ hội nhập kinh tế quốc tế nào sau đây?

- A. Hội nhập kinh tế toàn cầu.
- B. Hội nhập kinh tế song phương.
- C. Hội nhập kinh tế thị trường chung.
- D. Hội nhập kinh tế khu vực.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai

**Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:**

Tuổi trẻ với bản chất năng động sáng tạo, nhiệt huyết, nhanh nhạy là đối tượng lí tưởng tiếp thu các công nghệ mới, tham gia giao lưu, hội nhập quốc tế. Song cũng cần phải lưu ý rằng, trong quá trình hội nhập, phải luôn tỉnh táo để không đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc, phải dung hòa nếp sống hiện đại với giá trị truyền thống. Nhiệm vụ học tập khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế đòi hỏi lớp thanh niên hiện nay phải nhanh chóng trang bị cho mình những năng lực hội nhập như bản lĩnh, kiến thức, trình độ ngoại ngữ, tin học, kĩ năng, tác phong công nghiệp, hiểu biết văn hóa dân tộc, đất nước mình, đồng thời phải hiểu biết tình hình kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa thế giới.

a) Việc trau dồi các kiến thức tin học và ngoại ngữ là yếu tố tiên quyết đối với thanh niên khi đất nước hội nhập kinh tế quốc tế.

b) Để hội nhập quốc tế, mỗi thanh niên phải tự mình phát huy tinh thần học tập, rèn luyện.

c) Trách nhiệm của thanh niên là phải trang bị những năng lực hội nhập quốc tế.

d) Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ chỉ mang lại những tác động tích cực đến với thế hệ trẻ.

**Câu 2. Đọc đoạn thông tin sau:**

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam tương đối ổn định và khá cao: 6,24% (năm 2011), 6,68% (năm 2015), và 7,08% (năm 2018), cao hơn 1 nước có nền kinh tế mới nổi trong khu vực. Nhờ tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng cao qua các năm nên GDP bình quân đầu người tăng liên tục, đạt 1.517 USD năm 2011; 2.109 USD năm 2015 và 2.587 USD năm 2018, gấp 1,7 lần so với năm 2011. Tốc độ tăng GDP/người giai đoạn 2011-2018 đạt 9,41%/năm, cao hơn mức 9,26%/năm giai đoạn 2001-

2010. Cùng với tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân đầu người tăng qua các năm, góp phần nâng cao mức sống của người dân, tỉ lệ hộ nghèo giảm dần, từ 12,6% (năm 2011) xuống 6,8% (năm 2018)

- a) Tăng trưởng kinh tế ổn định đã đẩy tỉ lệ lạm phát tăng cao.
- b) Tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định thúc đẩy GDP bình quân đầu người tăng.
- c) Sự tăng trưởng kinh tế trong thời gian qua góp phần giảm tỉ lệ đói nghèo.
- d) Tăng trưởng kinh tế góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

**Câu 3. Đọc đoạn thông tin sau:**

Tiến bộ và công bằng xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế. Tiến bộ và công bằng xã hội được thể hiện ở nhiều nội dung, tiêu chí trong đó lấy con người làm trung tâm. Đại hội XII khẳng định: “Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân”, đảm bảo sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển con người, thực hiện tiến bộ và an sinh xã hội. Chỉ có phát triển kinh tế nhanh và bền vững mới có cơ sở để giải quyết các vấn đề xây dựng quốc phòng an ninh, thực hiện mục tiêu phát triển vì con người. Ngược lại, không thể có một nền kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả cao, bền vững nếu trong xã hội không có sự công bằng, dân chúng nghèo khổ, ốm yếu.

- a) Nền kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững sẽ tạo điều kiện thực hiện mục tiêu phát triển xã hội vì con người.
- b) Tăng trưởng kinh tế tạo nguồn lực phát triển kinh tế, thực hiện an ninh xã hội.
- c) Tiến bộ và công bằng xã hội là một trong những chỉ tiêu của tăng trưởng kinh tế.
- d) Tăng trưởng kinh tế là điều kiện, là cơ sở đảm bảo phát triển kinh tế xã hội.

**Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:**

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023-2030. Nghị quyết đồng thời nhấn mạnh 5 giải pháp trọng tâm để đạt được mục tiêu đề ra. Cụ thể: **1.** Cải cách hoàn thiện thể chế chính trị; **2.** Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; **3.** Thực thi hiệu quả các FTA; **4.** Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hậu COVID-19 và phát triển bền vững; **5.** Hội nhập toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học và công nghệ, an ninh và quốc phòng.

- a) Hội nhập toàn diện trên các lĩnh vực trong đó lĩnh vực an ninh và quốc phòng là trọng tâm.
- b) Tiếp tục thực thi đầy đủ, nghiêm túc các cam kết về hội nhập kinh tế quốc tế và các cam kết trong các FTA.
- c) Cải cách thủ tục hành chính nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư, xuất, nhập khẩu, thuế..., để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư.
- d) Các giải pháp trên nhằm nâng cao hiệu quả cải thiện môi trường kinh doanh, đảm bảo bình đẳng, minh bạch, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh mang đến sự ổn định.

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.



**ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  
**MÔN: GDKT&PL KHỐI 12 NĂM 2024-2025**  
**GV: PHÙNG THỊ KIM XUYÊN**

<b>PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN</b>				
<b>Số câu: 24</b>				
<b>Câu/Mã đề</b>	<b>132</b>	<b>209</b>	<b>357</b>	<b>485</b>
<b>1</b>	A	B	C	D
<b>2</b>	B	C	B	D
<b>3</b>	B	D	D	D
<b>4</b>	D	D	C	D
<b>5</b>	B	D	C	A
<b>6</b>	B	B	A	A
<b>7</b>	C	A	A	D
<b>8</b>	D	A	D	B
<b>9</b>	D	B	B	B
<b>10</b>	C	D	D	C
<b>11</b>	D	C	C	D
<b>12</b>	B	B	D	C
<b>13</b>	D	D	C	A
<b>14</b>	C	B	B	B
<b>15</b>	B	C	D	A
<b>16</b>	B	B	B	C
<b>17</b>	A	D	A	B
<b>18</b>	D	D	B	A
<b>19</b>	A	C	C	C
<b>20</b>	D	D	B	C
<b>21</b>	B	A	C	C
<b>22</b>	C	C	D	B
<b>23</b>	B	C	A	B
<b>24</b>	C	D	A	A
<b>PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI</b>				
<b>Số câu: 04</b>				
<b>Câu/Mã đề</b>	<b>132</b>	<b>209</b>	<b>357</b>	<b>485</b>
<b>1</b>	Đ S Đ Đ	Đ Đ Đ S	Đ S Đ Đ	Đ Đ S Đ
<b>2</b>	Đ Đ Đ S	S Đ Đ Đ	Đ Đ Đ S	Đ Đ S Đ
<b>3</b>	S Đ Đ Đ	Đ Đ S Đ	Đ Đ S Đ	S Đ Đ Đ
<b>4</b>	Đ Đ Đ S	S Đ Đ Đ	Đ S Đ Đ	Đ Đ Đ S